

Tạo tùy biến Setup Windows9x

Windows và phần mềm khác lưu trữ thông tin về việc cài đặt trên CD Setup hay các đĩa mềm trong các file thông tin. Các file thông tin này là các file text với phần mở rộng file.ini. Một file là Msbatch.inf. Thông tin về quá trình cài đặt có thể lưu trữ trong đó. Tất cả các câu hỏi mà người dùng phải trả lời trong quá trình cài đặt có thể được trả lời bởi các hạng mục có trong file này.

Ta có thể bổ xung một số nút lệnh cho lệnh Setup.exe khi cài đặt, được liệt kê như trong bảng sau

Cấu hình Windows 9x Statup với Msdos.sys

Nhớ rằng Msdos.sys có chức năng hoàn toàn khác trong quá trình khởi động Windows 9x so với trong quá trình khởi động Dos. Trong Win-9x, file text này có thể chứa các tham số ảnh hưởng đến các khởi động Os. File này là file hệ thống chỉ đọc và được che dấu, vì vậy trước khi chỉnh sửa phải dùng lệnh ATTRIB để tạo sẵn file sử dụng cho việc chỉnh sửa. Ngoài ra bạn cũng nên tạo bản sao dự phòng file phòng khi muốn chuyển đổi from của nó trước khi thực hiện trao đổi.

Các nút chuyển đổi sử dụng cho lệnh Setup.

<i>Nút chuyển đổi</i>	<i>Mô tả</i>
Setup/?	Hiển thị chủ điểm help sử dụng cho mỗi nút chuyển đổi dòng lệnh
Setup/D	Đừng sử dụng phiên bản hiện có của Windows để bắt đầu cài đặt. Hãy sử dụng tùy chọn này nếu nghi ngờ các file hệ thống của Windows bị hỏng lúc nâng cấp Windows
Setup/IC	Thực hiện việc khởi động Windows. Hãy sử dụng tùy chọn này nếu ghi ngờ các trình điều khiển từ Autoexec.bat hoặc Config.sys đang gây sự cố
Setup/IH	Chạy Scandisk trong tùy cảnh để có thể thấy được kết quả. Hãy sử dụng tùy chọn này nếu cài đặt không thành công và muốn kiểm tra sự hư hỏng của ổ đĩa cứng
Setup/IL	Tải trình điều khiển sử dụng cho chuột Logitech. Sử dụng tùy chọn này nếu máy sử dụng chuột Logitech series C
Setup/IN	Đừng cài đặt mạng
Setup/IS	Đừng chạy Scandisk
Setup/PI	Bảo quản các xác lập phần cứng vốn không phải là các xác lập mặc định. Hãy sử dụng tùy chọn này nếu lần cài đặt trước làm cho thiết bị phần cứng hỏng.

Sau đó thực hiện các bước sau đây để thay đổi các tùy chọn trong Msdos.sys:

- Vào dòng lệnh nhắc DOS

- Vào thư mục gốc của ổ đĩa cứng bằng cách gõ nhập: CD/a
- Tạo sẵn file bằng cách chỉnh sửa bằng cách gõ nhập:
ATTRIB - R H S MSDOS.SYS
- Tạo văn bản sao lưu dự phòng file bằng cách gõ nhập
COPY MSDOS.SYS MSDOS.K
- Sử dụng Edit.com để chỉnh sửa file bằng cách gõ nhập:
EDIT MSDOS.SYS
- Lưu file và chuyển nó trở về file hệ thống chỉ đọc vốn chỉ che dấu bằng cách gõ nhập:

ATTRIB + R + H + S MSDOS.SYS

Bảng sau liệt kê mỗi hạng mục trong file và chức năng của nó. Bạn có thể xem bảng để tìm cấu hình các tùy chọn khác nhau có sẵn lúc cài đặt cấu hình Windows 9x

<i>Tên biến của dòng lệnh</i>	<i>Chức năng của các giá trị được gán cho biến</i>
BootMulti	0= chỉ khởi động trong Windows 9x (mặc định) 1= Cho phép khởi động kép
BootWin	1= Khởi động trong Windows 9x (mặc định) 0= Khởi động bằng phiên bản trước của DOS
BootGui	1= Khởi động sang Windows 9x với giao diện đồ họa người dùng (mặc định) 0= Chỉ khởi động sang dòng nhắc lệnh Dos 7.0 hay 7.1 (Autoexec.bat và Config.sys được thực thi và bạn sẽ ở trong Dos)
Bootmenu	0= Không hiển thị Menu Startup (mặc định) 1= Hiển thị Menu Startup
BootMenuDefault	1 đến 8= Giá trị được từ Menu Startup theo mặc định (thường giá trị này là một)
BootMenuDelay	n= Số giây trì hoãn trước khi giá trị mặc định trong Menu Startup được chọn một cách tự động
BootKeys	1= Các phím chức năng hoạt động lúc xử lý tiến trình khởi động (mặc định) (F4, F5, F6, F8, Shift+F5 , Ctrl+F5, Shift+F8) 0= Ngưng hoạt động các phím chức năng trong quá trình khởi động (tùy chọn này được sử dụng để giúp bảo mật một trạm làm việc)
BootDelay	n= Số giây mà quá trình khởi động đợi (lúc nó hiển thị “Starting Windows 95” hoặc “Starting Windows 98”) để người sử dụng dùng F8 để vào Menu Startup (2 giây là xác lập mặc định)
Logo	1= Hiển thị màn hình logo Windows 9x (mặc định) 0= Đếm lại màn hình trong chế độ text (Có thể thay đổi màn hình logo sang một file.bmp khác. File logo Windows 9x được lưu trữ trong

	logo.sys trong thư mục gốc. Hãy đặt tên lại cho nó và đặt tên một file.bmp mới sang logo.sys để tạo tùy biến màn hình khởi động)
Drcspace	1= Tải Drvspace.bin, được sử dụng để nén đĩa nếu có (mặc định) 0= Không tải Drvspace.bin
DoubleBuffer	1= Lúc bạn có một ổ đĩa SCSI, mở tính năng đệm kép đối với ổ đĩa (mặc định) 0= Không sử dụng tính năng đệm kép đối với ổ đĩa SCSI
Network	1= Nếu các thành phần mạng được cài đặt, hãy bao gồm tùy chọn “Safe mode với Network Support” trong Menu Startup sẽ được đánh số lại từ điểm này trở về trước trong menu)
BootFaiSafe	1= Bao gồm Safe mode trong menu Startup (theo mặc định) 0= Không bao gồm Safe mode trong Menu Starup
BootWarn	1= Hiện thị phần cảnh báo lúc Windows 9x khởi động trong Safe mode 0= Không hiện thị phần cảnh báo
LoadTop	1= Tải Command.com ở phần trên cùng của bộ nhớ cơ sở (theo mặc định) 0= Đừng tải Command.com ở phần trên cùng của bộ nhớ cơ sở (sử dụng tùy chọn này lúc có xung đột thì bộ nhớ với vùng bộ nhớ)